

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

---o0o---

Số : *06* /2016/CV – ĐCHP

(V/v giải trình chênh lệch số liệu BCTC
Quý IV/2015 do đơn vị lập và BCTC đã kiểm
toán năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2016

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng.

Mã chứng khoán: **DHP**

Địa chỉ: 734 Nguyễn văn Linh – Lê Chân – Hải phòng.

Điện thoại: 0313.835927

Fax: 0313.857393.

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng xin được giải trình về các số liệu thay đổi trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV so với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO ngày 28 tháng 03 năm 2016 như sau:

S TT	CHỈ TIÊU	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
A	BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG			
I	Bản cân đối kế toán			
1	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-656.974.052	-633.555.531	23.418.521
2	Thuế GTGT được khấu trừ	2.974.455.259	2.961.015.487	13.439.772
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.559.712.118	1.556.948.958	2.763.160
4	Phải trả người lao động	3.097.126.510	3.119.665.080	-22.538.570
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.126.844.592	43.117.047.931	9.796.661
II	Báo cáo kết quả hoạt động KD			
1	Chi phí bán hàng	6.375.707.727	6.411.686.069	-35.978.342
2	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	8.594.380.733	8.570.962.212	23.418.521
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.435.917.031	19.423.357.210	12.559.821
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.769.021.747	3.766.258.587	2.763.160
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.666.895.284	15.657.098.623	9.796.661
III	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
1	Tiền chi trả cho người lao động	-5.131.264.269	-5.236.364.269	105.100.000
2	Tiền chi khác cho HĐ SXKD	-12.573.639.615	-11.709.783.614	-863.856.001



S TT	CHỈ TIÊU	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
3	Lưu chuyển thuần từ HĐ Kinh doanh	21.269.710.907	22.028.466.907	758.756.000
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào ĐV khác	0	-8.000.000.000	8.000.000.000
5	Lưu chuyển thuần từ HĐ Đầu tư	-5.988.355.456	-13.988.355.456	8.000.000.000
6	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH	-8.000.000.000	0	-8.000.000.000
7	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho CSH	-13.861.369.000	-14.620.125.000	758.756.000
8	Lưu chuyển thuần từ HĐ Tài chính	-15.836.215.985	-8.594.971.985	-7.241.244.000
B	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
I	Bảng cân đối kế toán			
1	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-656.974.052	-633.555.531	23.418.521
2	Thuế GTGT được khấu trừ	2.974.455.259	2.961.015.487	13.439.772
3	Nguyên giá TSCĐ	95.485.220.778	110.978.027.054	-15.492.806.276
4	Giá trị hao mòn lũy kế	-10.888.703.143	-26.381.509.419	-15.492.806.276
5	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.559.712.118	1.556.948.958	2.763.160
6	Phải trả người lao động	3.097.126.510	3.119.665.080	-22.538.570
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.190.667.076	43.180.870.415	9.796.661
II	Báo cáo kết quả hoạt động KD			
1	Doanh thu bán hàng và c/cấp dịch vụ	314.088.066.168	301.224.977.339	12.863.088.829
2	Doanh thu thuần: bán hàng & CCDV	313.437.278.190	300.574.189.361	12.863.088.829
3	Giá vốn hàng bán	272.229.461.394	259.523.367.228	12.706.094.166
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.337.924.645	33.924.645	2.304.000.000
5	Chi phí bán hàng	6.375.707.727	6.411.686.069	-35.978.342
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.569.976.482	12.389.563.296	180.413.186
7	Lợi nhuận thuần từ HĐ Kinh doanh	23.146.093.987	20.829.534.168	2.316.559.819
8	Thu nhập khác	39.683.189.884	39.556.946.024	126.243.860
9	Chi phí khác	228.372.332	102.128.472	126.243.860
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.600.911.539	60.284.351.720	2.316.559.819
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.945.139.610	3.942.376.450	2.763.160
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.054.065.332	45.740.268.673	2.313.796.659
III	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
1	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp DV	350.937.227.542	353.262.770.830	-2.325.543.288
2	Tiền chi trả cho cung cấp hàng hóa DV	-286.692.549.267	-293.888.393.263	7.195.843.996
3	Tiền chi trả cho người lao động	-15.176.909.045	-15.476.701.345	299.792.300
4	Tiền chi khác cho hoạt động KD	-20.976.217.547	-15.017.384.374	-5.958.833.173
5	Lưu chuyển thuần từ hoạt động KD	23.209.827.015	23.998.567.179	-788.740.164
6	Tiền chi đầu tư góp vốn vào ĐV khác	0	-8.000.000.000	8.000.000.000
7	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia	2.339.323.809	33.924.645	2.305.399.164
8	Lưu chuyển thuần từ HĐ Đầu tư	-5.983.284.789	-16.288.683.953	10.305.399.164

0058
ÔNG
SỐ PH
DIỆN
AI PHI
 V - TP

S TT	CHỈ TIÊU	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
9	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH	-8.000.000.000	0	-8.000.000.000
10	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho CSH	-16.408.569.000	-14.891.910.000	-1.516.659.000
11	Lưu chuyển thuần từ HĐ Tài chính	-18.383.415.985	-8.866.756.985	-9.516.659.000

Thuyết minh chênh lệch:

1. Bảng cân đối kế toán

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (1), (4) trên Báo cáo tài chính riêng và (1),(6) Báo cáo tài chính hợp nhất là do Báo cáo kiểm toán đã hoàn nhập và trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi, chi phí tiền lương.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (2) trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất là do Báo cáo kiểm toán đã điều chỉnh 2 chỉ tiêu trên nên số thuế GTGT được khấu trừ giảm., đồng thời dẫn đến chỉ tiêu: (3), (5) trên Báo cáo tài chính riêng và (5), (7) Báo cáo tài chính hợp nhất giảm lợi nhuận và số thuế TNDN phải nộp.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (3), (4) trên Báo cáo tài chính hợp nhất là do kế toán trình bày sai nguyên giá TSCĐ và giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ điều chuyển từ Công ty con (Cty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan) về Cty mẹ và kiểm toán đã điều chỉnh lại.

2. Báo cáo hoạt động kinh doanh.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (1) trên Báo cáo tài chính riêng và (5) Báo cáo tài chính hợp nhất là do Báo cáo kiểm toán đã điều chỉnh trích lập chi phí tiền lương và thuế GTGT đầu ra phải nộp.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (2) trên Báo cáo tài chính riêng và (6) Báo cáo tài chính hợp nhất là do Báo cáo kiểm toán đã hoàn nhập, trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi và phân loại lại chi phí.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (1),(2),(3), (4), (8), (9) trên Báo cáo tài chính hợp nhất là do kiểm toán đã điều chỉnh bổ sung giao dịch nội bộ..

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (3), (4), (5) trên Báo cáo tài chính riêng và (10),(11),(12) trên Báo cáo tài chính hợp nhất thay đổi là do đã điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (1) trên Báo cáo tài chính hợp nhất là do kiểm toán đã điều chỉnh bổ sung giao dịch nội bộ..



+ Số liệu chênh lệch chỉ tiêu: (7) trên Báo cáo tài chính riêng và (10) Báo cáo tài chính hợp nhất là do Báo cáo kiểm toán bổ sung tiền thuế TNCN từ cổ tức đã nộp.

+ Số liệu chênh lệch các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất là do kiểm toán phân loại lại chi phí trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng về các chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2015 trước và sau kiểm toán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- HĐQT, BKS (để B/c);
- Website (để công bố)
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG THANH HẢI

